

## THỰC TRẠNG KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIÁNG VIÊN NGOÀI CÔNG LẬP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRỌNG TUẤN\*

### TÓM TẮT

*Bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng kỹ năng nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên (GV) ngoài công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Theo kết quả thu được, GV tự đánh giá kỹ năng NCKH là khá, tuy nhiên hứng thú trong NCKH chỉ đạt mức trung bình. Trong 9 kỹ năng NCKH của GV thì chỉ có duy nhất kỹ năng viết đề cương NCKH đạt mức tốt. Số lượng đề tài thực hiện khá khiêm tốn cũng dẫn đến sự hạn chế về kỹ năng NCKH của GV ngoài công lập tại TPHCM.*

**Từ khóa:** kỹ năng, nghiên cứu khoa học, kỹ năng nghiên cứu khoa học, giảng viên, đại học ngoài công lập, giảng viên đại học ngoài công lập.

### ABSTRACT

#### *The current state of scientific research skills of non-public lecturers in Ho Chi Minh City*

*The paper presents the survey results of the situation of scientific research skills of non-public lecturers in Ho Chi Minh City. According to the results, lecturers self-evaluated their scientific research skills as quite high; however, the interest in scientific research only reaches an average level. Among 9 scientific research skills of lecturers, there is only one good skill which is the skill of writing scientific research outline. The number of topics for researching is not really large, which leads to the limitation of scientific research skills of non-public lecturers.*

**Keywords:** skills, scientific research, scientific research skills, lectures, non-public university, non-public lecturers.

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, sự phát triển đội ngũ GV chưa đạt đến mức tương thích với sự gia tăng quy mô và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở nước ta. Để góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược của giáo dục đại học, các trường đại học ngoài công lập có nhiệm vụ cấp bách là phải phát triển mạnh đội ngũ GV cả về số lượng lẫn chất lượng theo mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát

triển giáo dục 2009 – 2020 (Dự thảo 23): “Đến năm 2020 có 100% GV đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có 30% là tiến sĩ”. Chất lượng của một trường đại học được đánh giá và xem xét qua nhiều yếu tố nhưng có thể cho rằng chất lượng giảng dạy của GV là một yếu tố trọng tâm. Trong đó, hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ chính và có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giúp GV mở rộng, đào sâu kiến thức chuyên môn để giảng dạy tốt hơn.

Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy

\* ThS, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

học ở bậc cao đẳng, đại học hiện nay đòi hỏi GV phải không ngừng củng cố, rèn luyện và phát huy khả năng nghiên cứu khoa học để phục vụ giảng dạy. Phát triển hoạt động NCKH không thể tách rời kỹ năng NCKH. Chính vì vậy, việc tìm hiểu và đánh giá một số kỹ năng NCKH của GV ở trường đại học ngoài công lập, từ đó đề xuất biện pháp nâng cao kỹ năng NCKH của GV là rất cần thiết.

## 2. Giải quyết vấn đề

Nhằm tìm hiểu thực trạng kỹ năng NCKH của GV ở trường đại học ngoài công lập tại TP HCM hiện nay, chúng tôi sử dụng một bảng hỏi bao gồm 4 câu hỏi như sau:

Câu 1: Tìm hiểu về mức độ tham gia NCKH của GV trong vòng 5 năm trở lại đây. Câu hỏi chia làm 5 mức độ để GV tự đánh giá: Rất thường xuyên, thường xuyên, thỉnh thoảng, hiếm khi, không bao giờ.

Câu 2: Tìm hiểu khả năng NCKH của GV. Câu hỏi được chia làm 5 mức độ để GV tự đánh giá: Tốt, khá, trung bình, yếu, kém.

yếu, kém.

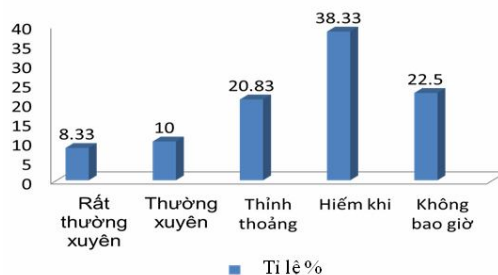
Câu 3: Tìm hiểu về mức độ hứng thú của GV với hoạt động NCKH. Câu hỏi được chia làm 5 mức độ để GV tự đánh giá: Rất hứng thú, hứng thú, bình thường, không hứng thú, hoàn toàn không hứng thú.

Câu 4: Tìm hiểu về một số kỹ năng trong NCKH của GV, gồm có 9 kỹ năng. Câu hỏi chia làm 5 mức độ để GV đánh giá: Tốt, khá, trung bình, yếu, kém.

Nghiên cứu được tiến hành trên 120 GV của ba trường đại học: Văn Hiến, Hoa Sen, Hồng Bàng, thời gian từ tháng 2-2013 đến tháng 5-2013.

Tự đánh giá về mức độ NCKH, khả năng cũng như sự hứng thú với hoạt động này sẽ là cơ hội để GV ý thức lại những vấn đề đang tồn tại không phù hợp với vị trí của họ, từ đó có những điều chỉnh phù hợp. Kết quả nghiên cứu trên 120 GV đại học ngoài công lập về mức độ thực hiện công trình nghiên cứu của họ trong vòng 5 năm gần đây thể hiện ở biểu đồ dưới đây là rất đáng chú ý:

*Biểu đồ kết quả đánh giá của GV về mức độ NCKH của GV đại học ngoài công lập trong 5 năm gần đây*



Kết quả nghiên cứu cho thấy trong số 120 GV, chỉ có 10 GV chọn rất thường xuyên với tỉ lệ 8,33%, 12 GV chọn thường xuyên với tỉ lệ là 10%, thỉnh

thoảng có 25 GV với tỉ lệ là 20,83%, hiếm khi có 46 GV với tỉ lệ là 38,33%, còn lại 27 GV (22,5%) chọn không bao giờ. Như vậy, có hơn 1/5 mẫu nghiên cứu

ở GV đại học ngoài công lập tự đánh giá là không bao giờ NCKH trong 5 năm gần đây. Chưa đến 50% GV đại học ngoài công lập chọn mức rất thường xuyên, thường xuyên và thỉnh thoảng (tổng ba mức độ này chỉ có 39,16%). Số liệu thống kê này cũng khá phù hợp, vì khi thống kê thì trong 120 GV ngoài công lập chỉ có 2 đề tài cấp Bộ, 22 đề tài cơ sở, 1 đề tài thành phố và tỉnh trong 5 năm trở

lại đây. Đây quả là điều trăn trở khi hoạt động NCKH ở đội ngũ GV đại học ngoài công lập thực sự quá hạn chế.

Nguyên nhân của vấn đề này một phần xuất phát từ khả năng và hứng thú của GV trong hoạt động NCKH. Bảng 1 dưới đây cho thấy một phần sự hạn chế về khả năng và hứng thú với NCKH khiến đội ngũ GV đại học ngoài công lập không tích cực thực hiện các đề tài nghiên cứu:

**Bảng 1. Khả năng NCKH và hứng thú với hoạt động NCKH ở đội ngũ GV đại học ngoài công lập**

STT	Ý kiến của GV	Điểm trung bình (ĐTB)
1	Khả năng NCKH	3,80
2	Hứng thú với hoạt động NCKH	2,65

Bảng 1 cho thấy khả năng NCKH ở GV do chính họ đánh giá đạt mức độ khá với ĐTB là 3,80. Như vậy, với khả năng này, họ hoàn toàn có thể thực hiện các đề tài một cách thành công nếu họ thực sự quyết tâm và yêu thích hoạt động này. Mặc dù khả năng NCKH của GV ở mức độ khá, nhưng hứng thú đối với hoạt động NCKH của GV lại chỉ ở mức trung bình với ĐTB là 2,65. Các nhà tâm lý học đã chỉ ra rằng hứng thú có một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của con người. Nó là động cơ thúc đẩy con người tham gia tích cực vào hoạt động đó. Khi được làm việc phù hợp với hứng thú dù phải khó khăn con người cũng vẫn cảm thấy thoải mái và đạt được hiệu quả cao. Chính vì hứng thú NCKH ở đội ngũ GV đại học ngoài công lập không cao nên dù có khả năng tiến hành hoạt động NCKH ở mức khá thì họ vẫn không tích cực tham gia nghiên cứu, dẫn đến kết quả là các công trình NCKH

trong những năm vừa qua rất ít.

Kết quả phỏng vấn một số GV đại học ngoài công lập cho thấy nguyên nhân khiến họ không hứng thú với hoạt động này nhìn chung đều tập trung vào những yếu tố chủ quan, như: Do dạy nhiều giờ và tham gia nhiều công tác khác. Bên cạnh nguyên nhân chủ quan còn có nguyên nhân khách quan như: nhận thấy công việc NCKH quá khó khăn và áp lực nhất là về thủ tục hành chính, không được nhà trường khuyến khích, cơ chế tuyển chọn và đánh giá không rõ ràng. Đây là những yếu tố khiến họ không tiếp cận được một cách thuận lợi với hoạt động NCKH, lâu dần làm giảm hứng thú của họ. Việc giảng dạy ở bậc đại học không thể tách rời nhiệm vụ NCKH, nếu trường đại học ngoài công lập không có những chính sách khuyến khích, tạo điều kiện phù hợp cho hoạt động NCKH thì chất lượng đội ngũ GV khó đạt được đầy đủ

các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của một nền giáo dục tiên tiến mà giáo dục Việt Nam đang hướng tới.

Bên cạnh các giải pháp xuất phát của nhà trường về cơ sở vật chất NCKH, chính sách khuyến khích, động viên, sự rõ ràng minh bạch trong NCKH thì còn cần có giải pháp nâng cao năng lực NCKH ở đội ngũ này. Mặc dù GV tự đánh giá khả năng nghiên cứu ở mức độ khá, nhưng việc tìm hiểu một số kỹ năng mang ý nghĩa rất quan trọng, nhằm xác định cụ thể những hạn chế còn tồn tại để tìm biện pháp khắc phục một cách phù hợp về kỹ năng NCKH.

Về lý thuyết, NCKH là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng

dụng vào thực tiễn. NCKH bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng. Kỹ năng là khả năng thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép. Kỹ năng không chỉ đơn thuần về mặt kỹ thuật của hành động, mà còn là biểu hiện năng lực của con người. Kỹ năng NCKH chính là khả năng vận dụng những tri thức khoa học, tri thức liên quan, những kinh nghiệm nhằm giải quyết vấn đề trong thực tiễn hoặc tạo ra sản phẩm mới đóng góp vào khối kiến thức chung thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Dựa vào cơ sở này, chúng tôi đề xuất 9 kỹ năng liên quan đến hoạt động NCKH của GV để họ tự đánh giá. Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 2 sau đây:

**Bảng 2.** *Thực trạng việc đánh giá một số kỹ năng trong công tác NCKH ở GV Đại học ngoài công lập qua ý kiến của GV*

TT	Nội dung	ĐTB	Độ lệch chuẩn
1	Kỹ năng chọn đề tài nghiên cứu	3,72	0,95
2	Kỹ năng viết đề cương NCKH	4,50	0,95
3	Kỹ năng thực hiện cuộc nghiên cứu	3,55	1,00
4	Kỹ năng tập hợp chuyên gia hay các thành viên	3,45	0,88
5	Kỹ năng quản lý tài chính	3,65	0,65
6	Kỹ năng xử lý số liệu thống kê hay tư liệu	3,50	1,03
7	Kỹ năng bình luận số liệu hay kết nối tư liệu	3,50	1,12
8	Kỹ năng quản lý đề tài nghiên cứu theo thời gian	3,42	0,88
9	Kỹ năng viết báo cáo tổng kết theo mẫu	3,50	0,66

Bảng 2 cho thấy trong 9 kỹ năng của công tác NCKH được khảo sát, chỉ có một kỹ năng đạt mức tốt với ĐTB là 4,5, đó là kỹ năng viết đề cương NCKH. Có thể cho rằng đây là công việc quan trọng cũng như cơ bản nhất của hoạt động NCKH. Đề cương nghiên cứu vừa là

“khởi đầu” vừa là “kim chỉ nam” cho cả quá trình NCKH. Đây là kỹ năng cơ bản nhất mà một nhà nghiên cứu cần phải có, nó được GV tiếp nhận ngay từ khi còn là sinh viên với môn học “NCKH”. Nhóm kỹ năng này cũng đã được các GV tiên hành khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp

hay luận văn. Chính vì đã được rèn luyện thông qua quá trình đào tạo nên GV đánh giá các kỹ năng này với ĐTB cao hơn các kỹ năng còn lại.

Trong 8 kỹ năng còn lại thì có đến 6 kỹ năng được GV tự đánh giá ở mức độ khá với ĐTB đều trên 3,5. ĐTB cao nhất là kỹ năng chọn đề tài nghiên cứu với 3,72, dù chỉ ở mức khá nhưng cũng là một ghi nhận khả quan. Kế đến là kỹ năng quản lý tài chính với ĐTB là 3,65, đây là kỹ năng quyết định khi thực hiện một đề tài khoa học. Sự thành công và kịp tiến độ của một đề tài phụ thuộc vào việc quản lý tài chính một cách chính xác, phù hợp và minh bạch. Kỹ năng này ở mức khá là một biểu hiện tích cực, bởi vì so với các kỹ năng khác thì đây là kỹ năng mà GV không được hướng dẫn trực tiếp trong chương trình đào tạo nên họ phải tự học hỏi, tự đúc kết kinh nghiệm trong hoạt động NCKH. Điều này cho thấy, khả năng thích ứng và ham học hỏi, tiếp thu các kỹ năng cần thiết cho công tác NCKH của GV ngoài công lập. Kế tiếp là kỹ năng thực hiện cuộc nghiên cứu với ĐTB là 3,55. Cuộc nghiên cứu là một quá trình có những trình tự và giai đoạn cụ thể, nếu biết sắp xếp và tiến hành một cách khoa học, hợp lý và trung thực thì giá trị về mặt khoa học của đề tài sẽ cao, và ngược lại. Kỹ năng này không chỉ thuộc về năng lực mà còn thuộc về cái "tâm" của một nhà nghiên cứu với công việc mà mình đảm nhận.

Có 3 kỹ năng NCKH có ĐTB là 3,50, đó là kỹ năng xử lý số liệu thống kê hay tư liệu, kỹ năng bình luận số liệu hay kết nối tư liệu, kỹ năng viết báo cáo tổng

kết theo mẫu. Đây đều là nhóm kỹ năng tạo nên kết quả, sản phẩm của một công trình NCKH, mang tính chất quyết định sự thành công, hiệu quả của một đề tài khoa học. Nhóm kỹ năng này cũng đã được GV tiếp cận khi còn là sinh viên thông qua môn học, phong trào NCKH hay từ khóa luận, luận văn. Nhưng nhóm kỹ năng này nếu không được tiếp tục rèn luyện thêm từ các đề tài khoa học sau khi ra trường thì có thể sẽ quên, sẽ bị mai một hoặc không phát triển thêm.

Cuối cùng là 2 kỹ năng ở mức độ trung bình: Kỹ năng tập hợp chuyên gia hay các thành viên với ĐTB là 3,45. Kỹ năng này không khó tiến hành nếu như GV có kỹ năng giao tiếp tốt, nhưng kết quả chỉ ở mức trung bình cho thấy GV chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc thiết lập mối quan hệ với các nhà khoa học khác, để cùng tổ chức thành một nhóm nghiên cứu. Kỹ năng quản lý đề tài nghiên cứu theo thời gian có ĐTB là 3,42. Có thể lý giải điều này là do GV bận công tác và lịch dạy quá nhiều khiến việc quản lý thời gian cho hoạt động NCKH bị cản trở hoặc do kỹ năng quản lý thời gian của họ còn hạn chế.

Tóm lại, trong 9 kỹ năng của công tác NCKH được đưa ra để GV đại học ngoài công lập tự đánh giá thì có đến 7 kỹ năng được đánh giá ở mức khá và tốt. Trong 2 kỹ năng chỉ đạt mức trung bình thì có kỹ năng ảnh hưởng khá lớn đến chất lượng NCKH.

### **3. Kết luận**

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định trực tiếp chất lượng và hiệu quả đào tạo chính là trình độ của đội ngũ GV. Trình độ của GV được thể hiện qua

năng lực giảng dạy và năng lực NCKH. Muốn phát triển chất lượng GV tại các trường đại học ngoài công lập thì không thể không phát triển kỹ năng NCKH cho họ. Kết quả khảo sát cho thấy một số kỹ năng trong hoạt động NCKH ở lực lượng này vẫn còn hạn chế. Thêm vào đó, hứng thú NCKH của họ không cao, mức độ thực hiện các công trình NCKH trong những năm qua còn rất thấp. Chính vì vậy,

việc nâng cao kỹ năng NCKH ở GV cần xuất phát từ sự quan tâm của nhà trường. Nhà trường không chỉ đưa ra những quy định cụ thể về nhiệm vụ NCKH mà quan trọng là tổ chức nâng cao kỹ năng NCKH cho GV thông qua các buổi tập huấn, hội thảo, chuyên đề; đồng thời quan tâm hướng dẫn cách thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thực hiện đề tài, đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/TTg của Thủ tướng Chính phủ*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 19/2005/QĐ - BGD&ĐT ngày 15-6-2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Quy định về quản lý đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo quyết định số 24/2005/QĐ - BGD&ĐT ngày 2-8-2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Luật Giáo dục đại học*.
5. Dương Tấn Diệp (2012), “Quyền sở hữu tài sản các trường đại học và cao đẳng ngoài công lập dưới góc nhìn theo quan điểm phát triển”, *Tạp chí Phát triển và hội nhập*, (5).
6. Vũ Cao Đàm (1996), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. Đỗ Thị Hòa (2009), *Chính sách phát triển đội ngũ giảng viên các trường đại học ngoài công lập*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
8. Đinh Ái Linh (2006), *Công tác quản lý hoạt động học tập và NCKH của sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Vĩnh Khương (2012), “Tự đánh giá kỹ năng trong hoạt động NCKH ở giảng viên trẻ các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, (7).
10. Nguyễn Thanh Tuyền, Dương Tấn Diệp (2012), “Kiến nghị phát triển giáo dục đại học ngoài công lập”, *Tạp chí Phát triển và hội nhập*, 7(17).

**Người phản biện khoa học: PGS. TS. Huỳnh Văn Sơn**

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-6-2013; ngày phản biện đánh giá: 10-7-2013;

ngày chấp nhận đăng: 23-7-2013)